

Top 8 bài văn mẫu Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

## ***Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1***

Trong lịch sử hình thành và phát triển của văn học dân tộc, mỗi tác giả đều để lại dấu ấn riêng của mình. Nếu như Nguyễn Trãi ghi dấu với Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Du khiến người đời ghi nhớ bởi Truyện Kiều thì Trương Hán Siêu lại để lại trong nền văn học 1 kiệt tác văn chương mang tên Bạch Đằng giang phú (Phú sông Bạch Đằng).

Quê hương của Trương Hán Siêu ở làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay là phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình). Sử sách ghi lại ông xuất thân là môn khách của Trần Hưng Đạo, tính tình cương nghị, học vấn uyên thâm, không rõ năm sinh nhưng mất năm 1354. Trương Hán Siêu “lập được nhiều công trạng trong hai trận đánh giặc Nguyên.

Về sự nghiệp chính trị, ông giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước. Với nhiều công trạng trong hai cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên, năm 1308, ông được phong chức Hàn lâm Học sĩ. Đến đời vua Trần Dụ Tông, ông lại được giao nhiều chức vụ quan trọng. Năm 1353, ông bị bệnh nặng khi thống lĩnh đạo quân Thần sách đi trấn đất Hóa Châu (Huế). Năm sau đó, ông cáo bệnh xin về nhưng chưa đến kinh đô thì qua đời. Nhà vua vô cùng thương tiếc, truy tặng ông chức Thái bảo, năm 1363 truy tặng thái phó, từ năm 1372 được thờ ở Văn Miếu quốc gia, ngang với các bậc hiền triết đời xưa.

Trước tiên, về con người, Trương Hán Siêu là người có học vấn sâu rộng, giàu lòng yêu nước, được các vua đời Trần tôn quý như bậc thầy. Thời trẻ, ông bài xích (phản đối) Phật, vua không trách, mà còn bổ ông làm quản tự cho một ngôi chùa lớn. Cuối đời mình, ông lại là người sùng đạo Phật và những sáng tác của ông cũng chịu ảnh hưởng tư tưởng này. Các tác phẩm của ông hiện còn các bài thơ: Cúc hoa bách vịnh, Hoá Châu tác, Dục Thúy sơn, Quá Tổng đô.

Văn xuôi của ông có 2 bài: Khai Nghiêm tự bi ký (Văn bia chùa Khai Nghiêm) và Dục Thúy sơn linh tế tháp ký (Bài ký tháp linh tế núi Dục Thúy sơn), hai bài đều được viết bằng chữ Hán. Riêng hai quyển Hoàng triều đại điển và Hình thư soạn chung với Nguyễn Trung Ngạn, bài biểu Tạ trừ Hàn lâm viện trực học sĩ được dẫn trong Đại Việt sử ký toàn thư và Kiến văn tiểu lục hiện nay vẫn lưu lạc và chưa tìm thấy. Trương Hán Siêu cũng soạn Linh tế thập ký (bài ký tháp Linh Tế), Quang

nghiêm tự bi văn (bài văn bia chùa Quang Nghiêm) đề cao Nho học và phê phán Phật giáo. Ông và Nguyễn Trung Ngạn hợp soạn bộ Hoàng triều đại điển và Hình thư, đặt nền tảng cho chế độ Phong kiến Việt Nam vận hành theo pháp luật.

Ông để lại không nhiều tác phẩm thơ văn, song bài “Bạch Đằng Giang phú” là một trong những bài phú chữ Hán nổi tiếng bậc nhất của ông từ thời Trần còn lại đến nay. Ngôn ngữ thơ hùng hực căm thù quân giặc, bừng bừng chí quật cường bất khuất, Bạch Đằng Giang phú là tác phẩm xuất sắc của Trương Hán Siêu, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu của văn học yêu nước thời Lý - Trần. Bài phú được đánh giá là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học và được xem là một áng thiên cổ hùng văn trong lịch sử văn học Việt Nam.

Bạch Đằng giang phú thể hiện lòng yêu nước thiết tha và niềm tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống đạo lý nhân nghĩa sáng ngời của dân tộc Việt Nam. Bạch Đằng giang phú vì lẽ đó cũng thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp của việc đề cao vai trò, vị trí của con người trước lịch sử.

Bài phú thực sự là áng văn chứa chan niềm tự hào dân tộc, đầu tiên mang ý nghĩa tổng kết lại chiến thắng Bạch Đằng thời bấy giờ:

"Giặc tan muôn thừa thắng bình,

Bởi đâu đất hiểm, bởi mình đức cao".

Tác phẩm được viết theo phú cổ thể, nguyên tác viết bằng chữ Hán. Bài được chia làm bốn phần gồm mở, giải thích, bình luận và kết. Mở là tráng trí và cảm xúc của nhân vật khách trước cảnh sắc trên sông Bạch Đằng. Giải thích là trận Bạch Đằng qua sự hồi tưởng của các bô lão. Bình luận là suy ngẫm và bình luận của các bô lão về nguyên nhân làm nên chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Kết là lời ca của bô lão và khách khẳng định vai trò đức độ của con người.

Kết cấu tứ thơ của tác phẩm theo hình thức đối đáp giữa khách và chủ. Khách là người yêu cảnh trí thiên nhiên, có thú du ngoạn, tâm hồn khoáng đạt, tâm huyết với lịch sử dân tộc. Khách tìm đến sông Bạch Đằng không chỉ vì yêu thiên nhiên mà còn vì lòng ngưỡng mộ nơi ghi dấu chiến công oanh liệt.

Đồng thời khách mang trong mình khát vọng tìm hiểu lịch sử dân tộc, noi gương sử gia nổi tiếng Trung Quốc đời Hán - Tư Trường. Chủ là những bô lão ở ven sông Bạch Đằng mà khách gặp, họ là người dân địa phương, cũng là những người đã tham gia kháng chiến, là những nhân chứng sống về chiến công năm xưa. Nhân vật bô lão cũng có thể có tính chất hư cấu, tác giả xây dựng lên để dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về đất nước, dân tộc.

Về nghệ thuật, bằng việc sử dụng thể phú tự do, không gò bó về hình thức, sự kết hợp tài tình giữa tự sự và trữ tình tác giả đã gia tăng khả năng biểu cảm, phong phú đa dạng về hình ảnh. Kết cấu bài phú chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm đã thể hiện tài năng trong ngòi bút và cách tư duy sâu sắc của tác giả. Đồng thời tác giả xây dựng hình tượng nghệ thuật sinh động, từ ngữ gợi hình sắc, giọng điệu hào hùng trang trọng, lúc lắng đọng gợi cảm, lúc lại triết lý sâu xa. Qua đó, thể hiện được niềm tự hào về con người và niềm tin vào vận mệnh quốc gia dân tộc.

Trương Hán Siêu thực sự là 1 cây bút có học vấn sâu rộng, giàu lòng yêu nước, và tài văn chương bậc thầy. Với bài thơ “Bạch Đằng giang phú” nói riêng, cả sự nghiệp và công hiến của ông cho đất nước, ông xứng đáng là một tác gia lớn trong nền văn học Việt Nam.

## ***Văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng mẫu 2***

Trương Hán Siêu là một tác giả lớn của thời đại nhà Trần. Tên tuổi của ông là Thăng Phủ, ông từng làm quan qua 4 đời vua và giữ nhiều chức vụ quan trọng như Hàn lâm học sĩ hay Thượng thư. Ông là một nhà chính trị tài ba lỗi lạc, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình và được nhà vua rất coi trọng, khi qua đời ông được vua truy tặng chức Thái bảo, Thái phó. Trương Hán Siêu trở thành một danh sĩ nổi tiếng của nền văn học Trung đại Việt Nam, bài Phú sông Bạch Đằng ra đời trở thành một tác phẩm tiêu biểu, gắn liền với tên tuổi của ông.

Trương Hán Siêu vốn có tính tình cương trực, thẳng thắn và giàu lòng yêu nước, có nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên. Ông cũng là người có học vấn uyên thâm và sâu rộng. Để lại nhiều tác phẩm thơ nổi tiếng như Cúc hoa bách vịnh, Hoá Châu tác, Dục Thúy sơn. Trương Hán Siêu từng soạn bài ký tháp Linh Tế. Ông được coi là nhà văn hóa lớn của thời đại. Các tác phẩm của Trương Hán Siêu đều thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về lịch sử truyền thống hào hùng của dân tộc Việt Nam hay tình yêu thiên nhiên. Ngôn ngữ trong thơ ông tinh tế, giàu cảm xúc lắng đọng, hình ảnh giàu sức gợi và tính thuyết phục cao.

Phú sông Bạch Đằng được xem là một tuyệt tác của Trương Hán Siêu, một đỉnh cao của văn học Việt Nam. Bài thơ viết theo thể phú viết xen lẫn văn vần và văn xuôi, được viết bằng chữ Hán. Bài phú sáng tác sau kháng chiến Mông Nguyên thắng lợi, đã thể hiện được tình yêu đất nước và sự tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc. Có ý nghĩa lớn trong việc đúc kết lại những chiến thắng Bạch Đằng lúc bấy giờ.

"Khách có kẻ:

Giương buồm giông gió chơi voi,  
Lướt bể chơi trăng mãi miết.  
Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương,  
Chiều lần thăm chừ Vũ huyết.  
Cửu Giang, Ngũ Hồ,  
Tam Ngô, Bách Việt.  
Nơi có người đi,  
Đâu mà chẳng biết.  
Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều,  
Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.  
Bèn giữa dòng chừ buông chèo,  
Học Tử Trường chừ thú tiêu dao.  
Qua cửa Đại Than,  
Ngược bến Đông Triều,  
Đền sông Bạch Đằng,  
Thuyền bơi một chiều.  
Bát ngát sóng kinh muôn dặm,  
Thuốt tha đuôi trĩ một màu.  
Nước trời một sắc,  
Phong cảnh ba thu.  
Bờ lau san sát,  
Bến lách đù hiu  
Sông chìm giáo gãy,  
Gò đầy xương khô.  
Buồn vì cảnh thảm,  
Đứng lặng giờ lâu."

Khách xuất hiện với vẻ đẹp của một con người có tâm hồn tự do với hoài bão lớn. Khách dạo chơi đâu chỉ ngắm vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn bồi thêm vốn hiểu biết của mình. Những địa danh lần lượt hiện lên khiến tâm hồn của tao nhân chứa đựng những xúc cảm lẫn lộn, vừa vui, vừa buồn, vừa tự hào lại vừa tiếc nuối.

Các bô lão

Vái ta mà thưa rằng:

"Đây là chiến địa buổi trùng hưng nhị thánh bắt Ô Mã,  
Cũng là bãi đất xưa, thưở trước Ngô chúa phá Hoằng Thao."  
Đương khi ấy:

Thuyền tào muôn đội,  
Tinh kì pháp phối.  
Hùng hô sáu quân,  
Giáo gươm sáng chói.  
Trận đánh được thua chưa phân,  
Chiến lũy bắc nam chống đối.  
Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ,  
Bầu trời đất chừ sắp đổi.  
Kìa:  
Tất Liệt thế cường,  
Lưu Cung chức đối.  
Những tướng gieo roi một lần,  
Quét sạch Nam bang bốn cõi.  
Thế nhưng:  
Trời cũng chiều người,  
Hung đồ hết lối  
Trận Xích Bích, quân Tào Tháo tan tác tro bay,  
Trận Hợp Phì, giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi.  
Đền nay sông nước tuy chảy hoài,  
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi."

Các bô lão tiếp đón vị khách bằng lòng nhiệt thành và nồng hậu nhất. Thái độ đầy tôn kính và hiếu khách đã giúp các bô lão kể về những trận chiến đầy oanh liệt một cách hào hùng và nhiệt huyết, Lời thơ ngắn gọn mà đầy rẫy những chiến công oanh liệt trên sông Bạch Đằng.

Khách cũng nối tiếp mà ca rằng:  
"Anh minh hai vị thánh quân,  
Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh.  
Giặc tan muôn thuở thanh bình,  
Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao."

Tác giả đã ca ngợi sự anh minh của các vị vua Trần, ca ngợi những chiến tích oai hùng đồng thời khẳng định vai trò to lớn của nhân kiệt.

Bằng việc sử dụng thể phú tự do, không bị gò bó về hình thức, kết hợp tài tình giữa tự sự và trữ tình tăng khả năng biểu cảm, phong phú đa dạng về hình ảnh. Kết cấu chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm tác giả đã cho thấy được tài năng trong ngòi bút và cách tư duy sâu sắc của mình. Đồng thời, bài phú còn thể hiện được niềm tự hào về con người và niềm tin vào vận mệnh quốc gia dân tộc.

### **Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng Văn 10 hay nhất mẫu 3**

Trương Hán Siêu là một tác gia quan trọng, một danh nhân văn hóa của đất nước. Nhắc đến sự nghiệp sáng tác của ông, không thể không nhắc đến kiệt tác văn chương Bạch Đằng giang phú (Phú sông Bạch Đằng) - một áng thiên cổ hùng văn.

Trương Hán Siêu quê ở làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay là phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình). Theo chính sử, Trương Hán Siêu xuất thân là môn khách của Trần Hưng Đạo, tính tình cương nghị, học vấn uyên thâm, ông mất năm 1354. Trần Quốc Tuấn mất năm 1300, khi đó hẳn Trương Hán Siêu phải là người trưởng thành, tức hơn 18 tuổi. Lược truyện các tác gia Việt Nam viết: Trương Hán Siêu “lập được nhiều công trạng trong hai trận đánh giặc Nguyên. Từ điển văn học ghi: Trương Hán Siêu “có ít nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ hai và thứ ba”.

Về sự nghiệp chính trị, với nhiều công trạng trong hai cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên, năm 1308 vua Trần Anh Tông thăng cho ông chức Hàn lâm Học sĩ. Đến đời vua Trần Dụ Tông, ông lại được giao nhiều chức vụ quan trọng. Năm 1353, ông bị bệnh nặng khi thống lĩnh đạo quân Thần sách đi trấn đất Hóa Châu (Huế). Năm sau, ông cáo bệnh xin về nhưng chưa đến kinh đô thì qua đời. Nhà vua vô cùng thương tiếc, truy tặng ông chức Thái bảo, năm 1363 truy tặng thái phó, từ năm 1372 được thờ ở Văn Miếu quốc gia, ngang với các bậc hiền triết đời xưa.

Trương Hán Siêu là người có học vấn sâu rộng, giàu lòng yêu nước, được các vua đời Trần tôn quý như bậc thầy. Thời trẻ, ông bài xích (phản đối) Phật, nhưng vua không trách, còn bổ ông làm quản tự cho một ngôi chùa lớn. Về cuối đời, ông lại là người sùng đạo Phật và những sáng tác của ông cũng chịu ảnh hưởng tư tưởng này. Các tác phẩm của ông hiện còn 17 bài thơ: Cúc hoa bách vịnh (Vịnh hoa cúc còn 4 bài), Hoá Châu tác (Thơ làm ở Hoá Châu), Dục Thúy sơn (Núi Dục Thúy sơn), Quá Tống đô (Qua kinh đô nhà Tống). Về văn xuôi ông có 2 bài: Khai Nghiêm tự bi ký (Văn bia chùa Khai Nghiêm) và Dục Thúy sơn linh tế tháp ký (Bài ký tháp linh tế núi Dục Thúy sơn), hai bài đều được viết bằng chữ Hán. Riêng hai quyển Hoàng triều đại điển và Hình thư soạn chung với Nguyễn Trung Ngạn, bài biểu Tạ trừ Hàn lâm viện trực học sĩ được dẫn trong Đại Việt sử ký toàn thư và Kiến văn tiểu lục hiện nay vẫn lưu lạc và chưa tìm thấy. Trương Hán Siêu cũng soạn Linh tế tháp ký (bài ký tháp Linh Tế), Quang nghiêm tự bi văn (bài văn bia chùa Quang Nghiêm). Hai bài đó có đề cao Nho học và phê phán Phật giáo. Ông và Nguyễn Trung Ngạn hợp soạn bộ Hoàng triều đại điển và Hình thư đặt nền tảng cho chế độ Phong kiến Việt Nam vận hành theo pháp luật.

Thơ văn của ông để lại cho đời không nhiều, trong đó, bài “Bạch Đằng Giang phú” là một trong những bài phú chữ Hán nổi tiếng bậc nhất từ thời Trần còn lại đến nay. Từng con chữ hùng hực lửa căm thù quân giặc, bừng bừng chí quật cường bất khuất, Bạch Đằng Giang phú (hay Phú sông Bạch Đằng) là tác phẩm xuất sắc của Trương Hán Siêu, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu của văn học yêu nước thời Lý - Trần, một đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học và được xem là một áng thiên cổ hùng văn trong lịch sử văn học Việt Nam. Bạch Đằng giang phú thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất và truyền thống đạo lý nhân nghĩa sáng ngời của dân tộc Việt Nam. Do đó, Bạch Đằng giang phú cũng thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp của việc đề cao vai trò, vị trí của con người trước lịch sử. Đây là một áng văn chứa chan niềm tự hào dân tộc, có ý nghĩa tổng kết lại chiến thắng Bạch Đằng thời bấy giờ:

"Giặc tan muôn thừa thắng bình,

Bởi đâu đất hiểm, bởi mình đức cao".

Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu là một trong những bài phú chữ Hán nổi tiếng bậc nhất từ thời Trần còn lại đến nay. Có nhiều vấn đề cần giải mã tác phẩm xuất sắc này, một trong những vấn đề cốt tử làm nên sức sống lâu dài của nó có lẽ chính là nỗi lòng của Trương Thăng Phủ với những vấn đề liên quan đến vận mệnh của vương triều Trần, sâu xa hơn là vận mệnh của nhân dân, dân tộc, của non sông đất nước Đại Việt.

Bạch Đằng giang phú được viết theo phú cổ thể, nguyên tác viết bằng chữ Hán. Cấu tứ của tác phẩm theo hình thức đối đáp giữa chủ và khách. Khách là người yêu cảnh trí thiên nhiên, có thú du ngoạn, tâm hồn khách. Khách là người yêu cảnh trí thiên nhiên, có thú du ngoạn, tâm hồn khoáng đạt, tâm huyết với lịch sử dân tộc. Khách tìm đến sông Bạch Đằng không chỉ vì yêu thiên nhiên mà còn vì lòng ngưỡng mộ nơi có chiến công oanh liệt và khát vọng tìm hiểu lịch sử dân tộc, noi gương của Tử Trường xưa (sử gia nổi tiếng Trung Quốc đời Hán). Chủ là những bô lão ở ven sông Bạch Đằng mà khách gặp, vừa là dân địa phương, vừa là những người đã từng chứng kiến, từng tham gia chiến trận. Cũng có thể nhân vật bô lão là nhân vật có tính chất hư cấu, tác giả xây dựng lên để dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về đất nước, dân tộc.

Về nghệ thuật, tác phẩm có cấu tứ đơn giản, lời văn linh hoạt, hình tượng nghệ thuật sinh động, từ ngữ gợi hình sắc, giọng điệu hào hùng trang trọng, có lúc lắng đọng gợi cảm, lúc lại triết lý sâu xa.

Có thể nói, Trương Hán Siêu là người có học vấn sâu rộng, giàu lòng yêu nước, được các vua đời Trần tôn quý. Bài thơ “Bạch Đằng giang phú” của ông xứng đáng là một kiệt tác trong nền văn học Việt Nam.

### ***Bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng mẫu 4***

"Bạch Đằng Giang phú" là một kiệt tác trong văn chương cổ Việt Nam. Về mặt nghệ thuật, đây là tác phẩm thể hiện đỉnh cao của tài hoa viết phú. Về nội dung tư tưởng, Bạch Đằng Giang phú là áng văn tràn đầy lòng yêu nước, tráng chí chất ngất, cùng tinh thần tự hào dân tộc và hàm chứa một triết lý lịch sử sâu sắc khi nhìn nhận nguyên nhân thành công của dân tộc trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

Trương Hán Siêu là một nhân vật lớn đời Trần. Ông tên chữ Lăng Phủ, quê ở làng Phúc Am, huyện An Khánh, Ninh Bình. Trương Hán Siêu lúc trẻ làm môn khách của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, tham gia cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Ông làm quan trải qua bốn triều vua Trần (Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông). Trương Hán Siêu là một người học vấn uyên bác, thông hiểu sâu sắc đạo Nho, đạo Phật, lại giàu lòng yêu nước và có nhiều công lao đối với triều Trần, vì vậy ông được các vua Trần tôn kính, xem như bậc thầy.

Năm 1308, vua Trần Anh Tông phong ông làm Hàn Lâm học sĩ. Đời Minh Tông ông giữ chức Hành khiển. Đời Trần Dụ Tông, năm 1339, ông làm Hữu ti Lang trung ở Môn hạ. Đời Trần Dụ Tông đổi sang Tả Tư Lang kiêm chức Kinh Lược sứ ở Lạng Giang, năm 1345 ông được thăng chức Giám nghị Đại phu tham chính sự. Ông được vua Dụ Tông sai cùng với Nguyễn Trung Ngạn hợp soạn bộ "Hoàng Triều Đại Điển" và bộ "Hình Luật Thư". Năm 1351, ông được phong Tham tri Chính sự.

Năm 1353, ông lãnh chiếu chỉ ra trấn nhậm Hoá Châu (Huế), sai người xây thành đắp lũy, lập kế chống quân Chiêm. Năm 1354, ông cáo bệnh xin nghỉ nhưng trên đường về Bắc chưa kịp đến nhà thì mất, sau được truy tặng Thái phó và cho phối thờ ở Văn Miếu, Thăng Long. Sau khi mất, Trương Hán Siêu được truy tặng chức Thái phó và được đưa vào thờ tại Văn Miếu ngang với các bậc hiền triết xưa.

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam vào giai đoạn nửa sau thế kỷ XIV nảy sinh cuộc tranh giành vị trí, ảnh hưởng giữa Nho giáo và Phật giáo mà Trương Hán Siêu được coi là người đầu tiên lên tiếng phê phán đạo Phật, mở đường cho Nho giáo tiến lên. Ông còn để lại bốn bài thơ và ba bài văn "Dục Thúy sơn khắc



thạch", "Linh Tế Tháp ký", "Khai Nghiêm tự bi", "Bạch Đằng giang phú",... Trong thơ văn cổ Việt Nam có một số tác phẩm lấy đề tài sông Bạch Đằng nhưng "Bạch Đằng giang phú" được xếp vào hạng kiệt tác. Chưa rõ Trương Hán Siêu viết "Bạch Đằng giang phú" vào năm nào, nhưng qua giọng văn cảm hoài "Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá-Tiếc thay dấu vết luống còn lưu", ta có thể đoán định được, bài phú này chỉ có thể ra đời sau khi Trần Quốc Tuấn đã mất, tức là vào khoảng 1301-1354.

"Bạch Đằng Giang phú" là một kiệt tác trong văn chương cổ Việt Nam. Về mặt nghệ thuật, đây là tác phẩm thể hiện đỉnh cao của tài hoa viết phú. Về nội dung tư tưởng, Bạch Đằng Giang phú là áng văn tràn đầy lòng yêu nước, tráng chí chat ngát, cùng tinh thần tự hào dân tộc và hàm chứa một triết lý lịch sử sâu sắc khi nhìn nhận nguyên nhân thành công của dân tộc trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

"Bạch Đằng giang phú" được viết bằng chữ Hán. Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đồng Chi, Bùi Văn Nguyên... đã dịch khá thành công áng văn này.

Ở Trương Hán Siêu, hành vi ứng xử nổi bật nhất, in đậm vào sử sách, là thái độ gần gũi thiên nhiên, cách ông nhìn ngắm thiên nhiên tạo vật. Về điều này, nếu nói Trương Hán Siêu gắn bó với cảnh trí của đất nước thì không có gì sai nhưng hình như vẫn chưa đủ. Nhà thơ nhà văn Việt Nam xưa nay rất ít người thờ ơ trước vẻ đẹp của giang sơn gấm vóc: "Nước biếc non xanh thuyền gối bãi/Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu" (Nguyễn Trãi). Trương Hán Siêu cũng thế thôi. Nhưng với ông, trong tình yêu thiên nhiên hình như còn có một điều gì khác hơn, một khao khát thường trực muốn chiếm lĩnh thế giới tự nhiên, nhận biết cho hết mọi tri thức lịch sử – xã hội ẩn ngòm trong ngoại giới. Như chính ông phô bày trong vai một "người khách" ở bài Bạch Đằng giang phú, hầu như cả một đời, ông đã coi lẽ sống của mình là ngược xuôi tìm đến mọi danh lam thắng cảnh:

"Khách có kẻ,

Giương buồm giông gió khơi vơi;

Lướt bẻ chơi trăng mãi miết.

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên, Tương,

Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt;

Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt

Nơi có người qua đâu mà chẳng biết.

Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ đã nhiều

Mà tráng chí tứ phương vẫn còn tha thiết..."

Cũng có thể nghĩ đây mới chỉ là những lời tâm niệm của Trương Hán Siêu bởi các địa danh nói trên đều là điển cố trong văn liệu, ông được đọc qua sách vở, hay là thông qua sách vở mà tìm đến chúng chứ chưa chắc đã một lần ghé thăm. Song cũng vì vậy, thiên nhiên như cái đích tìm kiếm của ông dường như có mang một hàm nghĩa thâm thúy: đây là nơi tập kết mọi trải nghiệm văn hóa của con người, và cũng là chứng tích để con người nhìn xa vào lịch sử. Vẫn trong bài phú về sông Bạch Đằng, tiếp theo mấy câu vừa dẫn, ông liền bày tỏ ý nguyện bất chước "thú tiêu dao" của Tử Trường tức Tư Mã Thiên – nhà viết sử nổi tiếng của Trung Quốc, trước khi bắt tay cầm bút đã đi khắp mọi nơi đầu sông cuối bể nhằm nuôi dưỡng tình cảm và thu nhận kiến thức.

Ta để ý nếu ở phần trên, các địa danh thực ra đều là ảo – địa danh trong điển tích, không phải trong thực tế – thì đến đây mới là địa danh thực. Nhà thơ đưa ra một cái tên Bạch Đằng chưa hề có trong các pho sách kinh điển nhưng lại hiển hiện trước mắt với tất cả sức thuyết phục của những chiến công vang dội của nó.

Bạch Đằng giang phú ú là một bài phú lưu thủy, người viết cốt biểu đạt ý tưởng một cách phóng khoáng, tuôn chảy, không quá chú trọng gò gẫm bằng trắc đối xứng và hiệp vần. Nhưng cấu trúc bài phú cũng là cả một dụng công. Bằng sự phân vai khéo léo giữa "khách" và "bô lão" trong nghệ thuật biểu hiện để tạo nên sự đồng hiện về thời gian, bằng cách chuyển đoạn thần tình trong tâm trạng người trần thuật từ băng khuâng hoài cổ sang cảm xúc bồn bộn của người đang chứng kiến sự việc tiếp diễn, bằng nghệ thuật sắp xếp ngôn từ gây âm hưởng đa dạng, vừa khoan thai thoát đã trở nên gấp gáp, rồi lại trở lại khoan thai, và cả bằng sự sinh động của nhịp điệu... mấy trăm năm qua bài phú đã chiếm lĩnh trọn vẹn tâm hồn người đọc. Đặc biệt, không ít những bậc tự xem là tri âm tri kỷ có thiên hướng muốn đón nhận toàn bộ hình tượng nghệ thuật của bài phú như những đường nét khắc họa chân thực quang cảnh chiến trận Bạch Đằng.

Nếu để ý ta sẽ thấy bức tranh đặng đặng sát khí của trận Bạch Đằng còn là một đối cực nữa của một bức tranh thủy mặc lặng tĩnh mà tác giả vẽ lên, như đã dẫn ở một phần trước:

Qua cửa Đại Than / ngược bên Đông Triều,

Đến sông Bạch Đằng / nổi trôi mặc chèo.

Bát ngát sóng kình muôn dặm/  
Xanh xanh đuôi trĩ một màu.

Nước trời một sắc / phong cảnh ba thu

Sông chìm giáo gậy / gò đầy xương khô

Buồn vì cảnh thảm / đứng lặng giờ lâu

Đây lại là đối cực động-tĩnh giữa hiện tại và quá khứ. Đối cực này đã khiến người

đọc như rơi vào trạng thái mơ màng, băng khuâng, trong khi đuổi theo cái cố gắng "đi tìm thời gian đã mất" của tác giả. Ta chợt tự hỏi: Không hiểu giữa hiện hữu thứ nhất (thực tại tĩnh lặng trước mắt mà cũng là một hạt hằng trong tâm trạng) và hiện hữu thứ hai (thực tại sống động trong tiềm thức mà cũng là một miền viễn của tưởng tượng) thì hiện hữu nào mới là có thật? Sự vấn vương ở đây có chút gì đó làm lòng ta nặng trĩu khi nghĩ đến dòng chảy của thời gian và thói vô tình dễ quên của người đời. Nói cách khác, những âm hưởng trữ tình đối lập ở trong tác phẩm đã tạo nên một ngân vang sâu thẳm và ngân vang này chính là triết lý: sự sống là một tiếp biến không ngừng không nghỉ, cái đang diễn ra và cái đã đi vào vĩnh cửu cứ đan quyện lấy nhau, mà cái nhân tố có khả năng kết nối làm nên sự đan quyện ấy, khiến cho sợi dây chuyền vô hình nghiệt ngã của thời gian có lúc tưởng như bị đảo ngược: hiện tại không hẳn đã trôi về quá khứ tất cả, mà có phần nào đó còn trôi theo chiều ngược lại, còn có "dấu vết lưu lại" với hậu thế – cái nhân tố ấy là con người, được quyết định bởi con người:

Trời đất đặt ra nơi hiểm trở,

Bạc anh tài tính cuộc tồn an

Giặc tan muôn thuở thăng bình,

Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao

Nhìn trở lại toàn bộ bài phú, nghệ thuật phối trí thời gian và không gian của Trương Hán Siêu đã đạt đến chỗ thần tình. Nhà thơ đưa không gian Bạch Đằng từ một viễn cảnh trải rộng và hết sức bao la đến với cận cảnh của một trận thủy chiến dữ dội, và cuối cùng dồn vào một tiêu điểm là chỗ đứng nội tâm của nhà chỉ huy quân sự quyết định sự thắng bại của chiến cuộc, đồng thời cũng chính là đang từ một không gian hiện thực ông quay trở về với không gian hồi cố, không gian tâm tưởng, cùng theo đó, thời gian nghệ thuật cũng đi lùi từ hiện tại về quá vãng. Vậy mà cảm hứng của người đọc lại không bị đẩy lùi bởi dòng hoài niệm, trái lại tiếp

nhận nó như chính cái đang diễn ra trước mắt mình. Thủ pháp mờ chùng giữa hai thời đoạn cách quãng trên quang cảnh một con sông, thủ pháp hoán đổi điểm nhìn linh hoạt của tác giả... đã góp phần hóa giải tâm trạng hoài cổ của bài phú, tạo nên một tâm lý cân bằng và gây hứng thú sâu sắc trong cảm xúc thẩm mỹ.

Tóm lại, bằng lượng thông tin đa nghĩa, những ẩn ngữ phong phú đọng lại phía sau ngôn từ, Bạch Đằng giang phú đã gọi lên được nhiều tiếng nói cùng một lúc trong cảm nhận nhiều chiều của người đọc. Sự dồn nén nghệ thuật của bút pháp Trương Hán Siêu quả đã đến một trình độ bậc thầy.

Trương Hán Siêu là một danh nhân nổi tiếng của mảnh đất Trường Yên – Ninh Bình, một chứng nhân rõ rệt cho truyền thống văn hóa lâu đời của vùng đất văn vật này. Nhưng ông lại cũng là một nhân vật có tầm thước cả nước, một người con ưu tú của văn hóa Thăng Long dưới triều đại Trần. Ông xứng đáng được xếp vào hàng danh nhân tôn vinh ở Văn miếu Quốc tử giám như nhà Trần đã từng "liệt hạng" xưa kia, mặc dù ông không hề có mảnh bằng nào thông qua thi cử. Điều đó cũng nói lên rằng triều đại Trần có sức năng động lớn vì nó biết chuộng thực học, biết lựa chọn tài năng theo những tiêu chí thực tiễn. Bỏ qua mọi thứ phù danh, với những người như Trương Hán Siêu, nhà Trần đã biết cách làm cho mình trở thành bất tử.

### ***Văn mẫu Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng Văn 10 mẫu 5***

Trương Hán Siêu sinh năm (?-1354). Tự là Thăng Phủ, người làng Phúc An, huyện Yên Ninh (nay thuộc thành phố Ninh Bình). Ông vốn là môn khách của Trần Hưng Đạo, là một danh sĩ thời Trần. Năm 1351 ông được thăng tham tri chính sự. Khi mất ông được vua tặng tước Thái Bảo, Thái phó và được thờ ở Văn Miếu (Hà Nội). Trương Hán Siêu được người đời nhận xét là một người có tình tình cương trực, hào phóng có tâm hồn lãng mạn, thích đi du ngoạn và tìm cho mình một phong cảnh tuyệt vời. Và ông đã tìm đến Phú sông Bạch Đằng để ngắm cảnh thiên nhiên ở đây.

Như ta đã biết, Phú sông Bạch Đằng là một nhánh sông đổ ra biển Đông nằm giữa Quảng Ninh và Hải Phòng nơi ghi dấu những chiến công lịch sử của dân tộc, đáng nhớ nhất là chiến thắng năm 938 của Ngô Quyền phá tan quân Nam Hán và năm 1288 của Trần Quốc Tuấn đánh tan quân Mông- Nguyên.

Tác phẩm Phú sông Bạch Đằng được viết bằng chữ Hán, Bùi Văn Nguyên đã dịch khá thành công áng văn này. Phú là một thể văn cổ dung để tả cảnh vật, phong tục, hoặc tính tình. Mỗi bài phú thường bao gồm bốn phần. Ở bài Phú sông Bạch Đằng

cũng không ngoại lệ, phần một của bài phú này từ đầu cho đến tiếc thay dấu vết luống còn lưu, phần này giới thiệu về nhân vật khách khi du ngoại ở sông Bạch Đằng. Với câu thơ “Khách” có kể trong bài phú là nơi nhà cao ghé tựa, trưa mùa hạ nắng nóng, áo trong ngắn, làn nước biếc. “Khách” ở đây Mạch Đình Chi đã biểu lộ tấm lòng thanh cao, chí khí, hoài bão của kẻ sĩ ở đời. Trương Hán Siêu là một danh sĩ nổi tiếng, với chín câu đầu cho ta thấy Trương Hán Siêu có tâm hồn hiểu biết rộng, có chí khí lớn, ham thích với cuộc sống phong ba cùng thiên nhiên mây gió, thích thú tiêu dao và tâm hồn tự do. Đêm thì “chơi trăng” ngày thì “sớm gõ thuyền chờ Vũ Nguyệt”. Các danh lam thắng cảnh trong bài phú như: Nguyên Trung, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt... đều ở trên đất nước Trung Hoa mênh mông, ở đây chỉ mang ý nghĩa tượng trưng nói lên một cá tính, một tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết lấy việc du ngoạn làm niềm lạc thú ở đời, tự hào về thói “Giang hồ” của mình, bên cạnh đó với đoạn thơ:

Đầm vân mộng chứa vài trăm dạ cũng nhiều

Bát ngát sông kinh muôn dặm

Thướt tha đuôi trĩ một màu

Đã nói lên cảnh đẹp hùng vĩ, bát ngát ngoài ra còn thể hiện được cảnh đẹp đó là một danh lam thắng cảnh của đất nước. Qua phần hai “từ đoạn tiếp theo cho đến hội nào bằng hội Mạnh Tân: như vương sư họ Lã”. Cuộc gặp gỡ bên sông và câu chuyện bô lão, các bô lão đã đón tiếp khách rất chu đáo và hiếu khách. Các bô lão là người kể chuyện và cũng là người bình luận những chiến tích xưa. Đặc biệt hơn, các bô lão cũng là người đã từng tham gia trận chiến và nhân vật “Khách” đã đối thoại để bày tỏ những tâm tư tình cảm của mình với các bô lão xuất hiện giữa lúc nhân vật “Khách” đang ngậm ngùi nhớ tiếc. Với giọng kể hào hùng, rành rọt và sôi nổi như đang diễn ra chiến tranh vậy. Đúng là cảm hứng của những người trong cuộc. Phần ba là tiếp theo cho đến nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh. Lời bình của các bô lão đã nhắc mạnh những trận chiến lẫy lừng và các nhân tài, đồng thời đã mang ý nghĩa tổng kết giống như tuyên ngôn chân lý. Phần bốn là phần còn lại. Đây là lời bình của nhân vật khách, đây là lời tiếp nối lời các bô lão, là bài ca ngợi sự anh minh của vị thánh quân, ca ngợi giá trị của những chiến công, đem lại nền thái bình muôn thưở. Tiếp nối phần bình luận của các vị bô lão về lịch sử. Hai câu cuối của bài ca này là lời kết thúc một chân lý về mối quan hệ giữa đất hiểm và người tài.

Qua bài thơ Phú Sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu đã cho ta đây là một tác phẩm tiêu biểu cho dòng văn học yêu nước và là niềm tự hào cho dân tộc, tự hào

truyền thống đạo lý, nhân nghĩa sáng ngời của dân tộc Việt Nam. Đồng thời thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cập vai trò và vị trí của con người.

### ***Bài làm văn mẫu 10 Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng mẫu 6***

Văn học thời Lý – Trần, ngoài áng thiên cổ hùng văn “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, hay “Hịch tướng sĩ” của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, thì không thể không kể đến bài phú nổi tiếng “Phú sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu.

Trương Hán Siêu, tự là Thăng Phủ, hiệu Đôn Tẩu, sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông mất năm 1354. Quê ông ở thôn Phúc Am, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay thuộc thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình). Ông xuất thân là môn khách của Trần Hưng Đạo, từng lập công trong hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), nên được tiến cử lên triều đình. Đòi làm quan của ông trải qua bốn đời vua Trần: Anh Tông (1293-1314), Minh Tông (1314-1329), Hiến Tông (1329-1341), Dụ Tông (1341-1369), thăng chức cao nhất đến Tham trị chính sự và từng làm quan ở vùng Lạng Giang (Bắc Giang) và Châu Hóa (Thừa Thiên – Huế). Đương thời, Trương Hán Siêu là một học giả uyên bác và là người đầu tiên lên tiếng phê phán đạo Phật, mở đường cho Nho giáo tiến lên. Năm 1353, ông lãnh chiếu chỉ ra trấn nhậm Hoá Châu (Huế), sai người xây thành đắp lũy, lập kế chống quân Chiêm. Năm 1354, ông cáo bệnh xin nghỉ nhưng trên đường về Bắc chưa kịp đến nhà thì mất, sau được truy tặng Thái phó và cho phối thờ ở Văn Miếu, Thăng Long. Sau khi mất, Trương Hán Siêu được truy tặng chức Thái phó và được đưa vào thờ tại Văn Miếu ngang với Chu Văn An và các bậc hiền triết xưa.

Trương Hán Siêu sáng tác khá nhiều, gồm nhiều loại như hình luật, phú, thơ ca, văn xuôi, tất cả đều được viết bằng chữ Hán. Ông còn để lại bốn bài thơ và ba bài văn "Dục Thúy sơn khắc thạch", "Linh Tế Tháp ký", "Khai Nghiêm tự bi", "Bạch Đằng giang phú",...đều là những tác phẩm nổi tiếng. Trong số đó, “Bạch Đằng giang phú” là bài phú nổi trội nhất của ông và cũng là bài phú nổi tiếng nhất trong số các bài phú chữ Hán thời Trần còn lại đến ngày nay. Bài phú tổng cộng gồm 32 liên và hai bài ca, nói về vẻ đẹp hùng vĩ vùng cửa sông Bạch Đằng và gọi lại các chiến công chống xâm lược từng gắn với địa danh này.

Bài “Phú sông Bạch Đằng” chưa rõ được viết năm nào, có thể vào khoảng 50 năm sau cuộc kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên thắng lợi. Bài phú viết về sông Bạch Đằng, một con sông ghi dấu nhiều chiến công hiển hách trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, từ thời Ngô Quyền đánh thắng quân Nam

Hán đến nhà Trần chiến thắng Mông – Nguyên, đều là những đạo quân xâm lược hùng mạnh của phương Bắc. Mặc dù được viết theo lối phú cổ thể, có vần nhưng câu văn tương đối tự do, không bị gò bó vào niêm luật. Bài phú là cảm xúc hoài niệm của tác giả về những chiến thắng lẫy lừng của quân dân nhà Trần trên sông Bạch Đằng vào thời điểm nhà Trần đang suy thoái. Tác phẩm vừa chứa chan niềm tự hào, vừa đọng nỗi đau, vừa thể hiện triết lí về sự đổi thay, biến thiên và xoay vần của tạo hoá. Bài phú chia làm hai phần : phần độc thoại với khách và phần đối thoại giữa khách với các bô lão bên sông. Kết cấu bài phú hình thành hai tuyến nhân vật. Nhân vật khách, cũng là sự phân thân của tác giả và nhân vật tập thể: các bô lão địa phương. Xuất hiện với tư cách là đối tượng tâm tình, nhân vật các bô lão có thể là thực – đó là những người tác giả gặp trên đường thoả chí tiêu dao, thậm chí, họ có thể là những người trước đây đã làm nên chiến công trên dòng sông lịch sử ấy, song cũng có thể họ chỉ là những nhân vật hư cấu. Hư cấu nhân vật, hư cấu ra cuộc đối thoại là cách để tác giả gián tiếp bày tỏ những suy ngẫm của mình về đất nước, về nhân dân, về dòng sông lịch sử. Chiến thắng Bạch Đằng giang được diễn tả như một bài thơ tự sự đậm chất anh hùng ca. Tiếng trống trận, tiếng gươm khua như hoà vào cảm hứng tự hào, kiêu hãnh để rồi lắng lại trong suy ngẫm: “Trời đất cho nơi hiểm trở” “Nhân tài giữ cuộc điện an”

“Đến sông đây chừ hổ mặt  
Nhớ người xưa, chừ lệ chan”

Lời ca của các bô lão là lời khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của dòng sông lịch sử và những chiến công hiển hách ở đây đồng thời cũng khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của chân lí: bất nghĩa tất yếu sẽ tiêu vong, chỉ có anh hùng là lưu danh thiên cổ. Lời ca của “Khách” (theo lối liên ngâm) cũng tiếp nối niềm tự hào ấy đồng thời thể hiện quan niệm vững chắc vào vai trò của con người trong việc “giữ cuộc điện an”. Đây là quan niệm tiến bộ và hết sức nhân văn. Về giá trị nội dung: “Phú Sông Bạch Đằng” đã thể hiện niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước trước những chiến công trên sông Bạch Đằng đồng thời ca ngợi truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam. Tác phẩm cũng chứa đựng tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cao vai trò, vị trí con người trong lịch sử. Về nghệ thuật, bài phú sử dụng những chi tiết mang hình ảnh điển tích chọn lọc, hoài cổ kết hợp với thủ pháp liên ngâm, hình thức đối đáp, đặc biệt là sự sáng tạo hình tượng nhân vật “khách” và nhân vật “các bô lão”, một nhân vật đại diện cho hiện tại và một nhân vật là chứng nhân lịch sử, đồng thời trong mỗi nhân vật đều có sự phân thân của cái tôi tác giả, một cái tôi tráng sĩ có tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng ưu ái đối với lịch sử, với đất nước. Đồng thời đây còn là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học trung đại Việt Nam.

Nền văn học dân tộc đã rất tự nhiên mà hình thành dòng thơ văn Bạch Đằng. Với “Bài phú sông Bạch Đằng”, Trương Hán Siêu đã đóng một “trụ đồng” sáng chói trên dòng thi ca bất tận ấy để con cháu muôn đời còn ngưỡng vọng.

### **Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng Ngữ Văn lớp 10 mẫu 7**

Lịch sử của một dân tộc không chỉ là những chiến công với những chiến thắng chống giặc ngoại xâm mà còn là lịch sử với bề sâu văn hiến, là lịch sử được ghi lại bằng hồn người qua những áng văn chương. Nhắc đến những bài thơ mang âm hưởng hào hùng của một thời đại một đi không trở lại, chúng ta không thể nhắc đến bài phú “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu. Bài thơ đã được viết từ lâu rồi nhưng đến nay và mãi sau, người ta vẫn không thôi nhắc đến nó như một khúc ca về thời đại nhà Trần.

Nhắc đến Trương Hán Siêu là người ta nhớ đến một người con quê tại vùng đất Ninh Bình, là môn khách của vị tướng tài ba Trần Quốc Tuấn, ông đã từng tham gia kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược. Ông là người vừa có tài lại vừa có đức, sinh thời, ông được các vua nhà Trần gọi là “thầy”. Ông là một người phóng khoáng, nặng lòng yêu nước và mang trong mình một nỗi ưu hoài về lịch sử dân tộc. Vì lẽ đó, đến với “Bạch Đằng giang phú”, người đọc như được sống với năm tháng hào hùng trong lịch sử dân tộc, vừa nhận ra những nỗi lòng của một con người từng trải.

Bài phú được đánh giá là không chỉ nổi tiếng ở thời Trần mà còn là một trong những bài phú viết bằng chữ Hán hay bậc nhất nước ta thời trung đại. Theo các nhà nghiên cứu, có lẽ bài thơ được Trương Hán Siêu viết vào thời văn Trần.

Bài phú viết theo lối cổ phú và được chia thành ba phần.

Phần đầu tác phẩm, tác giả giới thiệu về nhân vật “khách”. Hình ảnh “khách” hiện lên là con người phóng khoáng, thích ngao du sơn thủy:

"Khách có kẻ:

Giương buồm giông gió chơi vơi  
Lướt bể chơi trăng mải miết  
Sớm gõ thuyền chừ Nguyên, Tương  
Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt  
Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt"

Các địa danh nổi tiếng được nhắc đến vốn là những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử quen thuộc, từ đó, người đọc nhận ra một đặc điểm khác của nhân vật



“khách”: một tâ hồn nghệ sĩ ưa tự do, phóng khoáng, một bậc tri thức ham du ngoạn, trước là để chiêm ngưỡng, hai là mở rộng, nâng cao tầm hiểu biết. Dẫu đi nhiều mà khát vọng bốn phương vẫn còn tha thiết:

"Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết  
Bèn giữa dòng chừ buông chèo  
Học Tử Trường chừ thú tiêu dao"

Khách muốn học theo Tử Trường nghĩa là muốn học ở bậc sử gia nổi tiếng này sự nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc. Tiếp đó, tác giả đưa người đọc đến với cảnh thực, cũng là điều hút hồn khách khi đến với sông Bạch Đằng:

"Bát ngát sóng kinh muôn dặm  
Thướt tha đuôi trĩ một màu  
Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu  
Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu  
Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô"

Dòng sông hiện lên với nhiều dáng vẻ, vừa hùng dũng, thướt tha, lại có vẻ ảm đạm, hoang vắng. Vì vậy, “khách” mang trong mình tâm trạng với nhiều sắc thái khác nhau: vui, buồn, tự hào, nhớ tiếc:

"Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá  
Tiếc thay dấu vết luống còn lưu"

Ngay sau những câu giới thiệu về nhân vật “khách”, tác giả đã đưa người đọc đến với câu chuyện của bà lão về chiến thắng trên dòng sông Bạch Đằng:

"Đây là chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã  
Cũng là bãi đất xưa thuở trước Ngô chúa phá Hoằng Thao

Đương khi ấy:

Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới  
Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói  
Trận đánh được thua chưa phân  
Chiến lũy bắc nam chống đối  
Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ  
Bầu trời chừ sắp đổi"

Tác giả đã chọn lọc những hình ảnh, những điển tích làm nổi bật sự thất bại của quân thù và cái vẻ vang trong chiến thắng của quân ta. Có thể nhận thấy ở đây

niềm tự hào, sáng khoái của các bô lão, cái điềm tĩnh qua sự chiêm nghiệm của “khách”. Các bô lão đã lấy cái vận động, trôi chảy của dòng nước, dòng đời tương phản với nỗi nhục quân thù bởi nỗi nhục quân thù nghìn năm không rửa nổi cũng có nghĩa là những chiến thắng của ta vĩnh viễn lên ngôi:

"Đến nay nước sông tuy chảy hoài  
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi"

Sau lời kể, các bô lão có lời bình như sự tổng kết về nguyên nhân làm nên chiến thắng: có thiên thời, địa lợi, trong đó đề cao yếu tố con người- một quan niệm vừa đầy tiến bộ, vừa mang tính nhân văn:

"Quả là trời đất cho nơi hiểm trở

Cũng nhờ: nhân tài giữa cuộc điện an"

Và đến đoạn ba, đó là lời ca của các bô lão và khách. Các bô lão bừng sáng niềm tin, niềm tự hào về chân lý vĩnh hằng như cái dằng dặc, bao la của Bạch Đằng giang cuộn sóng hồng, đổ về biển Đông tự bao đời. Còn trong lời ca của khách, bên cạnh việc ngợi ca công đức của các vua Trần, còn đề cao và khẳng định tài đức con người, xem đó là yếu tố quyết định để làm nên chiến thắng.

### ***Bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Trương Hán Siêu và Phú sông Bạch Đằng mẫu 8***

Tôi rất tự hào về quê hương mình, tự hào về truyền thống cứu nước của dân tộc. Một đất nước với tình yêu quê hương đất nước sâu sắc. Đó là những chiến thắng mang đậm tinh thần dân tộc. Chiến thắng vẻ vang trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền đã khẳng định nước ta không hề yếu mà vô cùng mạnh. Và chiến thắng ấy đã được đi vào trong trang thơ của các nhà thơ. Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu đã khắc họa rõ chiến thắng ấy.

Trương Hán Siêu năm sinh không rõ nhưng mất vào năm 1354 tự là Thăng Phủ, quê ở làng Phúc Am, huyện Yên Ninh nay thuộc thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Trương Hán Siêu xuất thân là một môn khách của Trần Quốc Toản, làm quan dưới bốn đời vua Trần và tham gia cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông lần 2, 3 và lập được nhiều chiến công. Năm 1308 ông được vua Trần Anh Tông bổ làm Hàn lâm học sĩ. Các vua Trần rất kính trọng Trương Hán Siêu thường gọi ông là “thầy”. Là một bậc tú nho, một trong những nhân vật chính trị, văn hóa lớn đương thời. Tuy không đỗ đạt cao nhưng ông lại là một học giả uyên thâm, có tư tưởng tôn Nho và bài trừ những yếu tố tham hóa của Phật giáo đương thời đề cao ý thức quốc gia được mọi người yêu quý và kính trọng.

Bài Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu được viết theo thể phú có nguồn gốc từ Trung Quốc, trung gian giữa thơ và văn xuôi nhưng nghiêng nhiều về trữ tình. Đặc điểm của thể này là tả cảnh vật, phong tục kể sự việc, bàn chuyện đời, miêu tả khoa trương, hình tượng nhân vật tượng trưng cao độ, triết lí bàn bạc cao xa, ngôn ngữ đậm đặc điểm cổ nên các bài phú chữ Hán trở nên gằn gỏi, mộc mạc và giản dị trong phú chữ Nôm. Phú gồm có hai loại là phú cổ thể và phú đường luật

Bài Phú sông Bạch Đằng được sáng tác sau chiến thắng Bạch Đằng được viết thời Trần Dụ Tông khi triều Trần đang trong thời kì suy vong. Chính vì thế là đại thần mang trọng trách lớn, địa vị cao, công lao nhiều mà không có cách gì làm cho triều đình trở lại quang minh nên ông cảm thấy hổ thẹn, hổ mặt với người xưa nhất là trước lịch sử Bạch Đằng, âm hưởng hào hùng như vẫn còn sục sôi cuộn chảy.

Bài được chia làm bốn phần gồm mở, giải thích, bình luận và kết. Mở là tráng trí và cảm xúc của nhân vật khách trước cảnh sắc trên sông Bạch Đằng. Giải thích là trận Bạch Đằng qua sự hồi tưởng của các bô lão. Bình luận là suy ngẫm và bình luận của các bô lão về nguyên nhân làm nên chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Kết là lời ca của bô lão và khách khẳng định vai trò đức độ của con người.

Nhân vật khách sự phân thân của tác giả với mục đích thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên xuất hiện trong không gian biển lớn giương buồm giông gió, lướt bẻ chơi trăng. Không gian sông hồ với Ngũ Hồ, Nguyên Tương. Những vung đất nổi tiếng của Trung Quốc như Tam ngô Bách Việt, đầm Vân Mộng,.. hay những địa danh của Việt Nam Cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng các địa danh cụ thể, hình ảnh cụ thể. Với các từ miêu tả chơi vơi, mải miết, tha thiết, tiêu dao, thướt tha được sử dụng với tần suất dày đã mở ra một không gian tung hoành cho khách. Đó là không gian nghệ thuật bốn phương, mênh mông, bát ngát thơ mộng và tràn đầy ánh trăng. Các hình ảnh thời gian sớm ở Nguyên Tương, chiều thăm Vũ Huyệt. Cảnh sắc thiên nhiên hiện lên thật đẹp “bát ngát...ba thu” đó là dòng sông thơ mộng, hùng vĩ, diễm lệ, hoành tráng. Nhìn hai bên sông là “bờ lau, xương khô” là Bạch Đằng hoang vu, đìu hiu, lạnh lẽo, Bạch Đằng của cõi chiến trường xưa chốn tử địa của quân thù.

Trận chiến Bạch Đằng qua lời kể các bô lão với quân ta xuất thân với khí thế hào hùng “hùng hổ sáu quân” sức mạnh khí thế như hổ báo của các chiến sĩ thời nhà Trần, với lòng yêu nước với sức mạnh chính nghĩa. Còn quân địch ra oai “Những tướng gieo roi một lần/ Quét sạch Nam bang bốn cõi” sự huênh hoang, hung hang kiêu ngạo. “Thế cường” với bao mưu moi chức quý.

Nhưng các bô lão lại suy ngẫm thời thế thuận lợi trời cũng chiều người, địa thế núi sông trời đất cho nơi hiểm trở, con người có tài có đức lạ giữ vai trò quyết định quan trọng. Tác giả gọi lên hình ảnh Trần Quốc Tuấn và những hình ảnh so sánh với người để khẳng định sức mạnh, tài năng và đức đạo của con người.

Lời ca của các bô lão khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của dòng sông và những chiến công, sự linh hằng của chân lí “Bất nghĩa tiêu vong, anh hùng lưu danh thiên cổ”. Lời ca ngợi của khách cũng tiếp nối niềm tự hào về non sông hùng vĩ nhưng thể hiện quan niệm về nhân tố quan trọng trong công cuộc đánh giặc giữ nước là con người mà rõ hơn là người anh hùng.

Bài phú với nhân vật khách cách đối đáp, dùng hình ảnh điển cố có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn yếu tố trữ tình hoài cổ với yếu tố tự sự tráng ca lối diễn đạt khoa trương mà làm rõ hào khí nhà Trần âm hưởng không khí chiến thắng trên sông Bạch Đằng.

Đọc xong bài phú mà đọng lại trong lòng người đọc bao cảm xúc về con người, quê hương đất nước. Vì thế chúng ta ngày nay phải có ý thức xây dựng quê hương đất nước phát triển hơn.